

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày 28/3/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Diệp Thị Nết

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Dũng

2. Thạch Thị Mỹ Kim

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Chí Thiện- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 371/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-DS ngày 08/02/2022 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số: 13/TB-TA ngày 21/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S. Trụ sở chính tại: Số 266-268, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Trà Vinh: Ông Đỗ Văn Công N, chức vụ: Giám đốc, theo Quyết định số: 1839/2019/QĐ-NS ngày 17/06/2019, v/v ký hợp đồng/ thỏa thuận, văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng.

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn Công N: Ông Châu Thế T- Chuyên viên quản lý nợ, đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 14/12/2021

Địa chỉ chi nhánh: Số 555, đường Nguyễn Đáng, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 49C, đường Kiên Thị Nhẫn, khóm 1, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Châu Thế T đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11/8/2010 ông Bùi Thanh T có đến Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Trà Vinh ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 14.000.000 đồng. Ngày 24/9/2019 ông T ký phiếu yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng với hạn mức sử dụng 60.000.000 đồng. Mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/8/2010 lãi suất tại thời điểm cho vay 2,50%/tháng. Mục đích vay tiêu dùng. Ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 260.939.816 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền 237.569.563 đồng thì ngưng không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng ông vẫn không thực hiện. Ngày 22/9/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Thanh T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Trà Vinh tổng số tiền là 112.036.267 đồng. Trong đó vốn gốc: 65.228.323 đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/3/2022: 46.807.944 đồng. Ngoài ra, còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Bị đơn ông Bùi Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay ông Tuấn vẫn vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Bùi Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Bùi Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền còn nợ tiền 112.036.267 đồng. Trong đó vốn gốc: 65.228.323

đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/3/2022: 46.807.944 đồng. Ngoài ra, còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Ông Bùi Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng thương mại cổ phần S (Sacombank) không phải chịu án phí.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn không yêu cầu phản tố và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Ông Bùi Thanh T giao dịch với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Trà Vinh thông qua giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/8/2010 và phiếu yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng ngày 24/9/2019, đây là hình thức cho vay giữa tổ chức tín dụng với khách hàng không phải vay giữa cá nhân, pháp nhân ngoài tổ chức tín dụng. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn tại số 49C, Kiên Thị Nhẫn, khóm 1, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt cho ông Bùi Thanh T theo quy định nhưng không tổng đạt được, nhà thường xuyên đóng cửa và cũng không có người thân nào nhận thay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định hiện nay ông T đã bỏ địa phương không thấy về nhà, căn nhà tại địa chỉ nêu trên cũng đã bán. Do đó Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Tuấn theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông cũng vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử lần 02. Với những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xét xử vắng mặt ông Bùi Thanh T theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/8/2010 và phiếu yêu cầu thay đổi hạn mức tín dụng ngày 24/9/2019 mà ông T ký kết với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Trà Vinh với hạn mức tín dụng 14.000.000 đồng và hợp đồng thay đổi hạn mức tín dụng 60.000.000 đồng lãi suất tại thời điểm cho vay 2,50%/tháng, mục đích vay tiêu dùng và ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 260.939.816 đồng, nên giao dịch giữa Ngân hàng với ông T là có thật.

[2.2] Trong quá trình sử dụng thẻ của Ngân hàng ông T đã thực hiện một phần nghĩa vụ có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 237.569.563 đồng thì ngưng không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc nhắc nhở nhiều lần. Do đó Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Trà Vinh đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển qua toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn vào ngày 22/9/2020. Như vậy có thể thấy rằng ông T đã vi phạm các điều khoản đã cam kết với Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Bởi những lý do nêu trên Ngân hàng thương mại cổ phần S đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Thanh T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, được quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.3] Đối với việc ông Tuấn đã tự ý đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng biết, chứng tỏ ông Tuấn đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình. Mặc dù ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do và cũng không có văn bản hay ý kiến gì phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; xem như ông T đã từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Phía nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (bản sao có chứng thực); bảng tóm tắt sao kê (bản chính); điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại (bản sao). Đối với bị đơn ông Bùi Thanh T không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

[4] Đối với đề nghị của vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Bùi Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc ông Bùi Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền còn nợ tiền 112.036.267 đồng. Trong đó vốn gốc: 65.228.323 đồng, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/3/2022: 46.807.944 đồng.

Kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/3/2022), ông Bùi Thanh Tuấn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/8/2010 và điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Bùi Thanh T phải chịu 5.601.813 đồng (*Năm triệu, sáu trăm lẻ một ngàn, tám trăm mười ba đồng*). Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.436.000 đồng (*Hai triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng*), theo biên lai số 0007432 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Thị Nết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Cao Lâm Hoàng Việt

Diệp Thị Nết

